

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 654/2021/DS-PT

Ngày: 26-11-2021.

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

2. Bà Trịnh Thị Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”; Do bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3914/2021/QĐPT-DS ngày 29/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Tô Văn V, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp W, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Bà Tô Thị G1, sinh năm 1949; địa chỉ: ấp W, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Bà Tô Thị G2, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp Y, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; Thường trú: Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/6/2021) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Tô Thanh T1, sinh năm 1986;

2.2. Bà Bùi Thị U, sinh năm 1959;

2.3. Ông Tô Thanh T2, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Bà Tô Thanh T3, sinh năm 1979

Thường trú: Tổ 3, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tổ A, ấp T, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5. Bà Tô Thị Thanh T4, sinh năm 1981

Thường trú: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Tổ A, ấp T, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông, bà Bùi Thị U, Tô Thanh T2, Tô Thanh T3, Tô Thị Thanh T4: Ông Tô Thanh T1, sinh năm 1986; có nơi cư trú trên - đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền của bà U, ông T2 ngày 23/7/2014; của bà T3 bà T4 ngày 21/7/2014) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đoàn Thị Thiên Thanh T, sinh năm 1975, Luật sư Văn phòng Luật sư ĐGP thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Phần đất có diện tích 9447m² thuộc thửa 242 tờ bản đồ số 12 và các thửa đất số 571, 572, 114, 371, 372 tờ bản đồ số 13 tài liệu 02/CT-UB bộ địa chính xã B, huyện C có nguồn gốc của ông Tô L.

Sau năm 1975, ông Tô Văn H (tức Tô H là con ông L) lập gia đình và được ông L giao đất để cất nhà và sử dụng dưới hình thức cho ở nhờ.

Năm 1995, ông H đăng ký và được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 866/QSĐĐ ngày 28/02/1995 diện tích 6847m² gồm các thửa 571, 572, 114, 371, 372 tờ bản đồ số 13 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2673/QSĐĐ ngày 28/02/1995 diện tích 2600m² thuộc thửa 242 tờ bản đồ số 12. Năm 2000, ông H được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ) số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 diện tích 6.847m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 diện tích 2600m².

Ngày 24/11/2005 ông Tô Văn H chết.

Năm 2007, vợ của ông H là bà Bùi Thị U cùng các con gồm Tô Thanh T1, Tô Thanh T2, Tô Thanh T3 và Tô Thị Thanh T4 đến Ủy ban nhân dân xã B lập thủ tục

khai nhận và phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông H. Trong quá trình lập thủ tục nêu trên, những người này khai gian dối, thiếu người cùng hàng thừa kế là Tô L. Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất diện tích 9447m² cho ông Tô Thanh T1 và ông Tô Thanh T2.

Ông L làm đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện C. Ngày 25/01/2011, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành 02 Quyết định số 823/QĐ-UBND và số 825/QĐ-UBND với nội dung: Thu hồi, hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00310/03, H00311/03 ngày 21/5/2007, số H00301/03, H00302/03 ngày 17/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho ông Tô Thanh T1 và ông Tô Thanh T2, lý do: Cấp sai quy định về thừa kế quyền sử dụng đất.

Theo như đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn yêu cầu phân di sản mà ông Tô L được hưởng thừa kế của ông Tô Văn H là quyền sử dụng đất diện tích đất 9447m², cụ thể theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 diện tích 2600m² do Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp.

Tuy nhiên, sau khi đo thực tế thì diện tích tổng các thửa đất trên chỉ có 8180,4m². Nguyên đơn yêu cầu xác định di sản của ông Tô Văn H là quyền sử dụng diện tích đất là 8180,4m².

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Văn H tại thời điểm mở thừa kế gồm: cha ruột là ông Tô L, sinh năm 1923; vợ là bà Bùi Thị U; các con ông H: Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2, bà Tô Thanh T3 và bà Tô Thị Thanh T4.

Nguyên đơn yêu cầu xác định phần thừa kế ông L được hưởng theo pháp luật.

Nguyên đơn đồng ý lấy kết quả định giá tài sản ngày 29/11/2018 làm cơ sở để giải quyết vụ án và yêu cầu chia bằng hiện vật.

Đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Tô Thanh T1 trình bày:

Tài sản tranh chấp là của cha mẹ ông là ông Tô Văn H và Bùi Thị U, không phải là di sản do ông nội ông (Tô L) chết để lại nên ông không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn. Mặt khác vào ngày 13/01/2009, ông nội ông cũng đã có tờ giấy cam kết lập tại Tòa án nhân dân huyện C có sự chứng kiến của Thẩm phán Trương Văn T, nhất trí cho phép ông được quyền định đoạt phần đất do cha ông (Tô Văn H) đứng tên, các cô chú: Tô Văn V, Tô Thị G1 (sinh năm 1949) và Tô Thị G2(sinh năm 1959) không có quyền thắc mắc. Vì vậy các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần của ông nội được hưởng từ cha ông là cũng không đúng.

Gia đình ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì tài sản này là của bà Bùi Thị U và ông Tô Văn H nên chỉ có bà Bùi Thị U và các con ông H được hưởng.

3. Bản án sơ thẩm số bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu của ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949) và bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959) về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 1363,4m²/8180,4m² thuộc thửa 571, 572, 114, 371, 372 tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 và thửa 242 tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 mà Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tô Văn H, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về chi phí tố tụng:

Ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949) và bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959) phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng 17.120.760đ (mười bảy triệu một trăm hai mươi nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

4. Ngày 08/02/2021, ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949) và bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959) có đơn kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Xác định Quyền sử dụng diện tích thực tế 8180,4m² đất thuộc thửa 571, 572, 114, 371, 372 tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 và thửa 242 tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSĐĐ ngày 18/9/2000 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 10.085.640.000 đồng là tài sản chung của ông Tô Văn H và bà Bùi Thị U.

- Xác định di sản của ông Tô Văn H là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên là 10.085.640.000 đồng : 2 = 5.042.820.000 đồng.

- Thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Văn H tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Tô L, bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2.

- Thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô L tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949), bà Tô Thị G2

(sinh năm 1959); người thừa kế thế vị của ông Tô Văn H và người thừa kế thế vị của bà Tô Thị U.

- Bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho: ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949), bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959) và người thừa kế thế vị của bà Tô Thị U mỗi người 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 800.000.000 đồng chậm nhất là ngày 26/12/2021.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn tiền, bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục sang tên Quyền sử dụng diện tích đất theo diện tích thực tế của hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn đồng ý hoàn trả một phần chi phí tố tụng cho nguyên đơn là 14.267.300 đồng.

- Ông Tô Văn V tự nguyện chịu án phí trên số tiền 800.000.000 đồng thay các anh chị em của ông.

5.2 Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn phát biểu: Đề nghị công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

5.3 Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: Đơn kháng cáo của các ông bà Tô Văn V, Tô Thị G1 (sinh năm 1949) và Tô Thị G2 (sinh năm 1959) trong thời hạn và đã nộp án phí theo quy định nên được chấp nhận.

+ Về nội dung kháng cáo: sự thoả thuận của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949) và bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959) làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đã thống nhất thoả thuận toàn bộ vụ án. Sự thoả thuận của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên sửa án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Về chi phí tố tụng: nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 17.120.760 đồng. Bị đơn đồng ý hoàn trả cho nguyên đơn 14.267.300 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vụ án được thụ lý sơ thẩm từ ngày 17/5/2021 nên án phí sơ thẩm được án dụng theo pháp lệnh án phí lệ phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được tính trên phần thừa kế mỗi người được nhận của ông Tô Văn H theo biên bản định giá tài sản ngày 29/11/2018.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị U.
- Các ông bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 phải chịu án phí mỗi người là 37.214.100 đồng.
- Ghi nhận việc ông Tô Văn V tự nguyện chịu phần án phí có giá ngạch trên số tiền 800.000.000 đồng thay cho các anh chị em của ông.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 612, Điều 613, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Pháp lệnh án phí lệ phí số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949) và bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959).

2. Về nội dung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 62/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

2.1. Xác định Quyền sử dụng diện tích thực tế 8180,4m² đất thuộc thửa 571, 572, 114, 371, 372 tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSDĐ ngày 18/9/2000 và thửa 242 tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSDĐ ngày 18/9/2000 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, Thành phố

Hồ Chí Minh trị giá 10.085.640.000 đồng là tài sản chung của ông Tô Văn H và bà Bùi Thị U.

2.2. Xác định di sản của ông Tô Văn H là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên là 10.085.640.000 đồng : 2 = 5.042.820.000 đồng.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Văn H tại thời điểm mở thừa kế gồm 06 người: ông Tô L, bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2.

2.4. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô Văn H được hưởng phần tài sản thừa kế bằng nhau.

2.5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Tô L tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949), bà Tô Thị G2(sinh năm 1959), người thừa kế thế vị của ông Tô Văn H và người thừa kế thế vị của bà Tô Thị U.

2.6. Bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949), bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959) và người thừa kế thế vị của bà Tô Thị U tổng số tiền là 800.000.000 đồng chậm nhất là ngày 26/12/2021.

Trường hợp bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 chậm thực hiện nghĩa vụ trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm trên số tiền phải hoàn trả; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2.7. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn tiền, bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục sang Quyền sử dụng diện tích thực tế 8180,4m² đất thuộc thửa 571, 572, 114, 371, 372 tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSDĐ ngày 18/9/2000 và thửa 242 tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 20/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/9/2000. (Tỷ lệ quyền sử dụng: bà Bùi Thị U 60%, các ông bà bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 mỗi người 10%).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị U, bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông

Tô Văn V, bà Tô Thị G1 (sinh năm 1959), bà Tô Thị G2 (sinh năm 1949) số tiền là 14.267.300 đồng.

4. Về Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí cho bà Bùi Thị U.
- Bà Tô Thanh T3, bà Tô Thị Thanh T4, ông Tô Thanh T1, ông Tô Thanh T2 mỗi người phải chịu án phí là 37.214.100 đồng.

- Ông Tô Văn V tự nguyện chịu án phí là 36.000.000 đồng.

- Hoàn trả cho các ông bà Tô Văn V, Tô Thị G1 (sinh năm 1949), Tô Thị G2 (sinh năm 1959) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng mà các ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2011/00541 ngày 09/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Tô Văn V, bà Tô Thị G2 (sinh năm 1959), bà Tô Thị G1 (sinh năm 1949) mỗi người phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng được trừ vào các biên lai tạm ứng án phí số AA/2019/0085612, AA/2019/0085613, AA/2019/0085614 ngày 09/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp